

UBND TỈNH THANH HOÁ
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Số: /SKHCN-CNTT&CDS
V/v hướng dẫn việc xây dựng kế hoạch
và thành lập Ban Chỉ đạo về phát triển
KHCN, ĐMST, CDS và Đề án 06.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thanh Hoá, ngày tháng 7 năm 2025

Kính gửi:

- Công an tỉnh;
- Sở Nội vụ;
- UBND các xã, phường.

Thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; Nghị quyết số 1686/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Thanh Hóa năm 2025;

Ngày 01/7/2025, các xã, phường bắt đầu đi vào hoạt động; để đảm bảo các đơn vị được thực hiện các hoạt động về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06; Sở Khoa học và Công nghệ (cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo của UBND tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06, hướng dẫn các đơn vị về hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số như sau:

1. Về thành lập Ban Chỉ đạo của UBND xã/phường về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 (Ban Chỉ đạo)

- Chủ tịch UBND xã, phường là Trưởng Ban Chỉ đạo;
- Các thành viên Ban Chỉ đạo là Trưởng Công an, Trưởng các phòng, đơn vị thuộc UBND xã, phường;
- Tăng cường thêm thành viên là: Công an xã/phường, Ban Chỉ huy quân sự xã/phường, các doanh nghiệp viễn thông, CNTT trên địa bàn xã, phường.
- Giao Bộ phận thường trực Ban Chỉ đạo: là phòng Văn hóa-Xã hội.

Ban Chỉ đạo xem xét thành lập Tổ giúp việc của Ban Chỉ đạo tham mưu việc tổ chức triển khai thực hiện phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 trên địa bàn xã, phường.

2. Về xây dựng Kế hoạch phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số của xã/phường

Trên cơ sở Kế hoạch số 101/KH-UBND ngày 25/5/2025 về triển khai thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và Kế hoạch số 266-KH/TU ngày 26/4/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị; Kế hoạch số 258/KH-UBND ngày 31/12/2024 về chuyển đổi số năm 2025; đề nghị UBND các xã/phường xây dựng kế hoạch phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số (*có khung kế hoạch gửi kèm*).

3. Đề nghị Công an tỉnh, Sở Nội vụ sớm hướng dẫn UBND các xã, phường xây dựng kế hoạch triển khai về công tác cải cách hành chính, về Đề án 06.

Đề nghị các đơn vị sau khi ban hành Quyết định thành lập Ban Chỉ đạo và xây dựng các kế hoạch, gửi báo cáo về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định.

Sở Khoa học và Công nghệ đề nghị các đơn vị quan tâm triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Công an tỉnh (để p/h);
- Sở Nội vụ (để p/h);
- Lãnh đạo Sở;
- Các Phòng, đơn vị trực thuộc Sở (để t/h);
- Lưu: VT, CNTT&CĐS_{Hantt}.

GIÁM ĐỐC

Trần Duy Bình

KHUNG KẾ HOẠCH VỀ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ NĂM 2025

I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;
- Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;
- Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư;
- Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW;
- Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng năm 2030;
- Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;
- Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030";
- Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31 tháng 3 tháng 2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;
- Quyết định số 964/QĐ-TTg ngày 10 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược An toàn, An ninh mạng quốc gia, chủ động ứng phó với các thách thức từ không gian mạng đến năm 2025, tầm nhìn 2030;
- Công điện số 33/CĐ-TTg ngày 07 tháng 4 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường bảo đảm an toàn thông tin mạng;
- Thông tư số 09/2024/TT-BKHCN ngày 27/12/2024 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước;
- Nghị quyết số 214/2022/NQ-HĐND ngày 13/4/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành chính sách hỗ trợ phát triển doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2022-2026;
- Quyết định số 5447/QĐ-UBND ngày 22/12/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Thanh Hóa, phiên bản 2.0;

- Quyết định số 2269/QĐ-UBND ngày 30/6/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Kiến trúc ICT phát triển đô thị thông minh tỉnh Thanh Hóa (phiên bản 1.0);

- Quyết định số 3740/QĐ-UBND ngày 24/9/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch thực hiện cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2021- 2025;

- Quyết định số 3487/QĐ-UBND ngày 07/9/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án phát triển doanh nghiệp tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2021-2025;

- Kế hoạch số 159/KH-UBND ngày 20/7/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 29/4/2020 của Chính phủ về việc quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

- Kế hoạch số 272/KH-UBND ngày 21/12/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về ứng dụng Công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước, phát triển Chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2021-2025;

- Kế hoạch số 53/KH-UBND ngày 03/3/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về thực hiện Đề án “Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

- Kế hoạch số 134/KH-UBND ngày 16/5/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về ban hành kế hoạch thực hiện phát triển kinh tế số và xã hội số giai đoạn 2022-2025, trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

- Kế hoạch hành động số 266-KH/TU ngày 26 tháng 4 năm 2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

- Kế hoạch số 101/KH-UBND ngày 25/5/2025 về triển khai thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và Kế hoạch số 266-KH/TU ngày 26/4/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị;

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

2. Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể

a) Mục tiêu:

Kế hoạch đặt ra phải thiết thực, bám sát thực tiễn, điều kiện thực tế, có tính đột phá; các mục tiêu cần rõ ràng, định lượng, có tính khả thi, rõ phương pháp đánh giá, đo lường kết quả; gắn liền với thực hiện mục tiêu theo Kế hoạch số 101/KH-UBND ngày 25/5/2025 về triển khai thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và Kế hoạch số 266-KH/TU ngày 26/4/2024

của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị

b) Chỉ tiêu (có phụ lục gửi kèm theo)

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Công tác chỉ đạo điều hành và tuyên truyền nâng cao nhận thức, tuyên truyền, truyền thông

Các nhiệm vụ, giải pháp thực hiện nâng cao nhận thức, tuyên truyền, truyền thông đẩy mạnh phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

2. Thể chế, chính sách

Xác định nội dung, dự kiến kết quả, thời gian, đơn vị thực hiện cụ thể.

3. Triển khai các nhiệm vụ về KHCN, đổi mới sáng tạo

(Trên cơ sở định hướng ưu tiên của Sở Khoa học và Công nghệ, UBND các xã, phường nghiên cứu đề xuất các nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo để giải quyết nhu cầu thực tiễn cấp bách tại địa phương).

4. Triển khai các nhiệm vụ về chuyển đổi số

4.1. Hạ tầng số

Xác định nội dung phát triển hạ tầng số cụ thể tới các phường, xã đối với các tỉnh; trong đó ưu tiên xây dựng, sử dụng hạ tầng số dùng chung trên cơ sở xác định đúng, đủ đáp ứng yêu cầu đặt ra.

4.2 Nhân lực số

Xác định nội dung về đào tạo, tập huấn và dự kiến kết quả, thời gian, đơn vị thực hiện cụ thể.

4.3. Phát triển dữ liệu số

Xác định nội dung, dự kiến kết quả, thời gian, đơn vị thực hiện cụ thể; yêu cầu bám sát văn bản hướng dẫn.

4.4. An toàn thông tin mạng

Xác định nội dung, dự kiến kết quả, thời gian, đơn vị thực hiện cụ thể; yêu cầu bám sát văn bản hướng dẫn.

4.5. Chính quyền số

Xác định nội dung, dự kiến kết quả, thời gian, đơn vị thực hiện cụ thể: cung cấp dịch vụ công trực tuyến; hiệu quả quản trị, điều hành thông qua sử dụng các nền tảng số, dữ liệu số; ứng dụng công nghệ mới như trí tuệ nhân tạo để phát triển các nền tảng, công cụ hỗ trợ (trợ lý ảo, ...); yêu cầu bám sát văn bản hướng dẫn.

4.6. Kinh tế số và xã hội số

Xác định các nhiệm vụ, giải pháp phải gắn liền với việc thực hiện các chỉ tiêu Kế hoạch đề ra; bảo đảm phù hợp với nội dung về phát triển kinh tế số nêu tại Kế hoạch phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

yêu cầu bám sát văn bản hướng dẫn.

5. Công tác kiểm tra, giám sát hoạt động khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Xác định nội dung, dự kiến kết quả, thời gian, đơn vị thực hiện cụ thể; yêu cầu bám sát văn bản hướng dẫn.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Xác định trách nhiệm triển khai các nhiệm vụ của các cơ quan, tổ chức.

V. DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN VÀ KINH PHÍ

Xác định danh mục nhiệm vụ, dự án cụ thể, trong đó với cần xác định rõ kết quả dự kiến đạt được, hiệu quả đem lại; thời hạn hoàn thành; đơn vị triển khai; nguồn kinh phí thực hiện;...

Phụ lục 1: CÁC CHỈ TIÊU PHÂN ĐẦU HOÀN THÀNH NĂM 2025

(Kèm theo Kế hoạch phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số năm 2025)

TT	Nội dung chỉ tiêu	Đơn vị tính/đo lường	Chỉ tiêu
I	PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG		
1	Tỉ lệ phủ sóng 5G trên địa bàn	%	60%
2	Tỉ lệ người sử dụng có khả năng truy cập băng rộng cố định với tốc độ trên 01 Gb/s	%	60%
II	PHÁT TRIỂN NGUỒN LỰC		
3	Tỉ lệ cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản	%	85%
4	Tỉ lệ cán bộ, công chức, viên chức làm chủ kỹ năng số, ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành	%	80%
5	Tỉ lệ dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông	%	80%
III	PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ		
6	Tỉ lệ kết quả khoa học và công nghệ được ứng dụng thực tiễn sau 12 tháng nghiệm thu	%	52%
IV	PHÁT TRIỂN HỆ SINH THÁI ĐỔI MỚI SÁNG TẠO		
7	Tỉ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới quy trình, mô hình kinh doanh	%	15%
V	PHÁT TRIỂN CHUYỂN ĐỔI SỐ		
8	Tỉ lệ thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết phi địa giới hành chính giữa trung ương và địa phương, giữa các cấp chính quyền	%	70%
9	Tỉ lệ giao dịch hành chính thuộc diện “phi tiếp xúc”	%	70%
10	Tỉ lệ hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa	%	70%
11	Tỉ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện	%	80%
12	Tỉ lệ hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến	%	70%

TT	Nội dung chỉ tiêu	Đơn vị tính/đo lượng	Chỉ tiêu
13	Tỉ lệ xử lý văn bản, hồ sơ công việc toàn trình trên môi trường điện tử của các cơ quan hành chính nhà nước	%	100%
14	Tỉ lệ nhiệm vụ được theo dõi, quản lý, giám sát của các cơ quan hành chính thực hiện trên môi trường điện tử	%	100%
15	Tỉ lệ các cơ quan nhà nước thực hiện chỉ đạo, điều hành, quản trị nội bộ trên môi trường điện tử	%	100%
16	Tỉ lệ giao dịch không dùng tiền mặt	%	80%
17	Dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác	%	85%
18	Tỉ lệ người dân có tài khoản định danh điện tử (VNeID)	%	60%
19	Tỉ lệ người dân có chữ ký số	%	35%
20	Tỉ lệ người dân có Sổ sức khỏe điện tử	%	92%
21	Tỉ lệ đảng ủy, chính quyền xã, phường sử dụng phần mềm quản trị điều hành thống nhất	%	60%

Phụ lục 2: DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN CẦN THỰC HIỆN NĂM 2025
(Kèm theo Kế hoạch phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số năm 2025)

STT	Tên nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Kết quả	Dự kiến kinh phí (triệu đồng)	Thời gian hoàn thành
1	Tham mưu ban hành Kế hoạch chuyển đổi số năm 2025	Phòng Văn hóa xã hội	Văn phòng	Kế hoạch được UBND phê duyệt		Tháng 7/2025
2	Xây dựng Kế hoạch tổ chức thực hiện chương trình đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức, viên chức về kiến thức về kỹ năng số, công nghệ số cơ bản phục vụ chuyển đổi số	Văn phòng	Phòng Văn hóa xã hội	Kế hoạch được UBND phê duyệt	200	Tháng 9/2025
						
	Tổng cộng:					